

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHẠM THỊ THU HƯƠNG

THIÊN NHIÊN TRONG VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM
THỜI LÝ - TRẦN

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 9229030.04

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HỌC

Hà Nội – 2023

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Kim Sơn

Phản biện 1: PGS.TS Trịnh Khắc Mạnh

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Thanh Tùng

Phản biện 3: TS. Trần Hải Yến

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án tiến sĩ họp tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Vào hồi 14h00 ngày 29 tháng 8 năm 2023

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thiên nhiên với tư cách là khách thể có một ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động sáng tạo văn học nghệ thuật. Khi Trúc Lâm đệ nhất tổ tuyên bố *Đối cảnh vô tâm mặc vấn thiên* thì sự vô tâm trước khách thể cũng chỉ là một sự lựa chọn mang tính triết học - thẩm mỹ của Phật giáo Thiền tông. Thiên nhiên trong văn học Phật giáo Lý - Trần vừa thể hiện mối quan hệ giữa chủ thể sáng tạo và khách thể phản ánh, lại vừa có những nét đặc trưng riêng, do đó có nhiều đóng góp cho lịch sử văn học.

Trong văn học Phật giáo thời Lý - Trần, các yếu tố thiên nhiên tràn ngập trên các bình diện khác nhau: thiên nhiên là không gian nghệ thuật, không gian sống, tu hành của các Thiền sư, thể hiện văn hóa sơn lâm của thiền sư một thời kỳ lịch sử; thiên nhiên là các biểu tượng có ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc, thú vị về các tư tưởng, giáo lý Phật giáo; thiên nhiên có ý nghĩa của hình tượng thẩm mỹ, thể hiện một phương thức chiếm lĩnh nghệ thuật đối với thế giới của tầng nhân và các trí thức có nhân duyên gắn bó với Phật học. Hình ảnh ẩn dụ từ thiên nhiên đã giúp các thi tăng thời đại Lý - Trần giải quyết một cách độc đáo vấn đề về quan hệ ngôn ý. Việc nghiên cứu toàn diện, hệ thống các bình diện khác nhau này sẽ phục vụ đắc lực cho việc dựng lại hoàn chỉnh hơn bức tranh văn học thời Lý - Trần và nghiên cứu sâu hơn về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn như lịch sử tư tưởng, triết học, văn hóa học thời kỳ này.

Vai trò của thiên nhiên trong tính cách là không gian, là môi trường sống, tu tập của thiền sư, không gian xây dựng chùa được phản ánh đặc biệt trong các tác phẩm văn xuôi như *Thiền uyển tập anh ngữ lục* hoặc các văn bia nhà chùa, chuyển tải những triết lý của Phật giáo Thiền tông vẫn cần được nghiên cứu, giải mã. Vẫn cần nghiên cứu hệ thống các hình ảnh thiên nhiên đóng vai trò các ẩn dụ sâu sắc về Phật lý, về tu tập và giác ngộ; những nghiên cứu các bức

tranh thiên nhiên, các hình tượng thiên nhiên như những khách thể chuyển tải quan niệm thẩm mỹ đặc thù của thiên sư cũng cần được tăng cường.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu dành cho đề tài về văn học Phật giáo Lý - Trần. Tuy nhiên chưa có nghiên cứu chuyên biệt khảo sát có tính hệ thống, toàn diện về thiên nhiên trong văn học Lý - Trần.

Đó là những lý do tác giả luận án lựa chọn đề tài *Thiên nhiên trong văn học Phật giáo Lý - Trần* làm đề tài nghiên cứu.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là thiên nhiên được thể hiện trong các thể loại văn học tự sự, các nhóm vấn đáp và cử - niệm - tụng, trong thi ca và thi kệ của văn học Phật giáo Lý - Trần, do các thiên sư và các tác giả có nhân duyên gắn bó với Phật giáo sáng tác.

Phạm vi nghiên cứu là sáng tác văn học Phật giáo có chứa đựng yếu tố thiên nhiên trong giai đoạn văn học thế kỷ X đến XIV, được định danh một cách ước lệ là thời Lý -Trần.

Cơ sở tư liệu nghiên cứu chủ yếu là các tác phẩm văn học Phật giáo được sưu tầm tập hợp trong ba tập *Thơ văn Lý - Trần* của Viện Văn học. Ngoài ra một số nguồn tư liệu khác như văn bia cũng được luận án khảo sát.

Trong khi triển khai luận án, người viết đã tiến hành phân loại văn học Phật giáo Lý - Trần theo các nhóm thể loại. Sự phân loại này chỉ có giá trị rất tương đối vì thực tế, có trường hợp ranh giới thể loại không thực sự rõ ràng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Qua việc nghiên cứu thiên nhiên ở các cấp độ, các bình diện khác nhau trong các thể loại văn học Phật giáo, chúng tôi muốn nghiên cứu vai trò, ý nghĩa, chức năng của thiên nhiên trong việc biểu hiện các tư tưởng, giáo lý Phật giáo thời đại Lý - Trần. Đồng thời, làm rõ ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo đến cách các thiên sư

Lý - Trần “chiếm lĩnh” thiên nhiên. Nói cách khác mục đích nghiên cứu của luận án hướng đến xem xét thiên nhiên từ góc nhìn vai trò, chức năng, ý nghĩa của thiên nhiên đối với sáng tác văn học của các thiền sư Việt Nam thời Lý - Trần.

Nhiệm vụ nghiên cứu do mục tiêu nghiên cứu quy định. Chúng tôi sẽ nghiên cứu thiên nhiên được biểu hiện trong các thể loại khác nhau của văn học Phật giáo Lý - Trần. Các thể loại văn học Phật giáo khác nhau thể hiện thiên nhiên khác nhau, cần được làm rõ để dựng lên bức tranh tổng thể.

4. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng phương pháp loại hình học, phương pháp văn học sử, phương pháp nghiên cứu liên ngành kết hợp sử dụng các thao tác thống kê, so sánh, phân tích. Các phương pháp nói trên có tính hiện đại và có độ tin cậy, giúp giải quyết mục tiêu nghiên cứu.

5. Đóng góp của luận án

Luận án đã phân tích văn bản thể loại tự sự viết về chân dung các thiền sư Lý - Trần trong không gian tu tập sơn lâm, từ đó nỗ lực lý giải văn hóa tu tập của các thiền sư Việt Nam giai đoạn này mang một số nét đặc trưng Phật giáo nguyên thủy. Nhận diện và phân tích một cách hệ thống đặc trưng ngôn ngữ ẩn dụ sinh động, hấp dẫn trong các thể loại đối thoại, vấn đáp, giảng giải, các bài thi kệ, các đoạn cử - niệm - tụng về các tư tưởng triết học, đạo đức của Phật giáo nhờ việc các thiền sư sử dụng các hình ảnh thiên nhiên quen thuộc, gần gũi. Luận án nghiên cứu thể loại thơ trữ tình thiên nhiên, thơ trữ tình phong cảnh, chỉ ra mỹ học Phật giáo Thiên tông trong các hình tượng thiên nhiên trong thơ thiền Lý - Trần, mối quan hệ qua lại như thi thiên quan hệ, dĩ thiên dụ thi, dĩ thi minh thiên.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, nội dung chính của Luận án gồm 4 chương.

NỘI DUNG

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VĂN HỌC PHẬT GIÁO VÀ THIÊN NHIÊN TRONG VĂN HỌC PHẬT GIÁO

LÝ - TRẦN

1.1. Vấn đề văn học Phật giáo Lý - Trần

1.1.1. Về khái niệm văn học Phật giáo Lý – Trần

Giới nghiên cứu thống nhất rằng văn học Phật giáo truyền bá, giảng giải tư tưởng triết học và tôn giáo của Phật giáo, về quan niệm tư tưởng và thực hành tôn giáo của các nhà tu hành. Các nội dung truyền bá đó được thực hiện bằng các hình thức nghệ thuật của ngôn từ và có tính thẩm mỹ cao.

1.1.2. Văn học Phật giáo và văn học Phật giáo Thiên tông

Do Thiên tông là tông phái chủ đạo của Phật giáo thời Lý - Trần nên nói văn học Phật giáo Lý - Trần đồng thời là nói văn học Phật giáo Thiên tông, một dòng văn học mang cảm hứng Thiên sâu sắc về nội dung và nghệ thuật.

1.1.3. Về khái niệm “thời Lý - Trần”

Thời Lý - Trần (đầy đủ *Thời đại Lý - Trần*) là khái niệm quy ước, diễn đạt thời đoạn lịch sử từ thế kỷ X đến đầu thế kỷ XV.

1.2. Vấn đề “thiên nhiên”, “thiên nhiên trong văn học”

1.2.1. Vấn đề “thiên nhiên”

Khái niệm “thiên nhiên” chỉ tất cả những gì không do con người tạo ra, cụ thể như đất đai, biển cả, sông núi, cây cỏ, hoa trái, cầm thú, ... tức là tất cả những gì trên mặt đất; các yếu tố thiên nhiên vũ trụ như mặt trời, mặt trăng, gió mưa, sương tuyết, mây rắng... là những gì trên bầu trời, trong vũ trụ.

1.2.2. Thiên nhiên trong văn học

Các công trình nghiên cứu về thiên nhiên trong thơ văn đều chú ý đến tính chất chức năng, đến các hình ảnh có ý nghĩa ẩn dụ, nghĩa biểu tượng của hình tượng thiên nhiên, đặc biệt trong thơ ca.

Luận án quan tâm đồng thời cả nghĩa ẩn dụ, nghĩa biểu tượng của thiên nhiên và cả ý nghĩa thẩm mỹ của các bức tranh thiên nhiên trong văn học Phật giáo Lý - Trần. Hơn thế nữa, luận án còn nỗ lực khảo sát loại thiên nhiên với tính chất không gian tu tập của các thiền sư, phản ánh văn hóa sơn lâm của thiền sư thời đại Lý - Trần.

1.2.3. Thiên nhiên trong văn học Phật giáo và lịch sử nghiên cứu

Thiên nhiên trong văn học Phật giáo mang vẻ đẹp thẩm mỹ riêng, không những chuyển tải giáo lý Phật giáo mà còn giàu chất thơ, có giá trị nghệ thuật cao.

Các nghiên cứu về thiên nhiên trong văn học Phật giáo cũng tập trung giải mã ý nghĩa biểu tượng và giá trị thẩm mỹ của hình tượng thiên nhiên trong các bài thơ - kệ, các bài thơ đậm chất Thiền.

Lịch sử nghiên cứu thiên nhiên trong văn học Phật giáo cho thấy, cơ sở triết học Phật giáo Thiền tông về Tâm, về ngôn ngữ và quan hệ ngôn ý cần được vận dụng triệt để cho việc giải mã này.

Các văn bản thuộc thể loại tự sự còn khá phong phú các nội dung kể về không gian sơn lâm như là không gian tu tập của các thiền sư.

1.3. Tính chất phức tạp trong nghiên cứu hình tượng thiên nhiên của văn học Phật giáo

1.3.1. Vấn đề các đặc ngữ của văn học Phật giáo

Tác phẩm văn học Phật giáo có thể chứa đựng những đặc ngữ lấy từ kinh Phật, từ loại sách *truyền đăng*, từ lịch sử văn học dưới hình thức “đoạn chương thủ nghĩa” nên khi nghiên cứu cần thận trọng tham bác các nguồn tài liệu, các khả năng tra cứu để hiểu đúng ý nghĩa của văn bản.

1.3.2. Vấn đề văn bản văn học Phật giáo

Văn học vùng Đông Á thời trung đại tồn tại trong không gian văn hóa và văn học có mối liên hệ qua lại mật thiết; giữa các sáng tác văn học của cả vùng có tính liên văn bản cao. Văn bản văn học Phật giáo cũng chịu sự chi phối của thực tế đó. Nếu trong một tác

phẩm văn học Phật giáo Việt Nam có một số từ ngữ, hình ảnh rút từ văn học Phật giáo Trung Quốc thì không có nghĩa nó không phải là văn học Việt Nam. Thực tế cho thấy sự cần thiết phải tôn trọng tính đặc thù của sự du hành giữa các văn bản thời trung đại, trong một thời kỳ không tồn tại quan niệm về tác quyền và các văn bản có thể di chuyển từ nền văn hóa này sang nền văn hóa khác.

1.3.3. Vấn đề phương pháp phân tích, lý giải tác phẩm văn học Phật giáo

Việc đọc, giải thích tác phẩm văn học Phật giáo cho thấy cần luôn tính đến tính đặc thù về nhiều phương diện như ngôn ngữ biểu đạt, tính ẩn dụ cao do quan niệm bất lập văn tự và bất ly văn tự, quan niệm về tu hành, về cái đẹp... của các tác giả thiền sư. Cần xác định phương pháp văn học Phật giáo, không thể đọc như một văn bản thi ca nhà nho hay văn bản thi ca hiện đại.

Tiểu kết chương 1

Những tiêu chí cơ bản của thiên nhiên trong văn học Phật giáo là phải góp phần thể hiện được thiền lý, thiền thú, thiền vị, đóng vai trò là phương tiện chuyển tải đặc lực các tư tưởng thâm sâu của Phật giáo đến chúng sinh.

Có ba loại thiên nhiên xuất hiện trong văn học Phật giáo Lý - Trần. Thiên nhiên ý tượng, có giá trị như biểu tượng chuyển tải tư tưởng, triết học Phật giáo Thiền tông; thiên nhiên có ý nghĩa như ý cảnh, những bức tranh thiên nhiên được mô tả sinh động, có không gian và thời gian, có thể tri nhận và tưởng tượng qua các giác quan; và thiên nhiên môi trường tu tập của các thiền sư.

Tính chất phức tạp về văn bản của văn học Phật giáo Lý - Trần đòi hỏi phải nhìn nhận trong bối cảnh “du hành” của văn bản thời trung đại.

Về phương pháp nghiên cứu, cần lý giải đúng các hình ảnh, biểu tượng và hình tượng thiên nhiên trong văn học Phật giáo Lý -

Trần từ góc độ quan niệm triết học của Phật giáo Thiên tông về ngôn ngữ và về Tâm như một phạm trù quan trọng của Phật học.

Chương 2

SƠN LÂM VỚI VAI TRÒ KHÔNG GIAN TU TẬP

2.1. Không gian tu tập sơn lâm của Phật giáo nguyên thủy

2.1.1. Không gian tu tập sơn lâm từ góc nhìn của giới nghiên cứu

Phật giáo nguyên thủy thường được hình dung bằng hình ảnh các nhà tu hành cô đơn trong không gian rừng núi. Nhà tu hành cô đại muốn rời khỏi đời sống trần tục thì sự lựa chọn đầu tiên là vào không gian rừng núi. Ấn Độ, quê hương của Phật giáo có quan niệm đặc sắc về văn minh mà theo đó có sự thể nhập của con người vào Thiên nhiên, còn đời sống thành thị chỉ là một không gian nuôi dưỡng cái ác. Mô thức các vị tổ Thiên tông Trung Hoa thường tọa thiền nơi các ngọn danh sơn là khá phổ biến. Có thể cho rằng phù đồ là vật kiến trúc xưa nhất của Phật giáo vì khởi thủy, các tu sĩ chỉ cần một chỗ trú ngụ tạm thời trong những hang động hay một mái lều đơn sơ, còn những tòa ốc thực sự sử dụng vào việc thờ phụng cùng với những tượng pháp chỉ có thể bắt đầu và cần thiết mãi về sau này khi Phật giáo Đại thừa phát triển.

2.1.2. Không gian tu tập sơn lâm được phản ánh qua kinh Phật

Nhiều bộ Kinh Phật có phản ánh về không gian núi rừng của Phật giáo nguyên thủy, như *Kinh Trung A Hàm*, *Kinh Trường Bộ*, *Kinh Ưu đàm Bà La sư tử hống*. Tu tập để từ bỏ tham ái ở đời, an trú với tâm thoát ly tham ái, gột sạch tâm hết tham ái từ bỏ sân tâm, an trú với tâm thoát ly sân tâm, khởi lòng thương tưởng mọi loài chúng sanh, gột sạch tâm hết sân hận... Sự thanh vắng, tĩnh mịch được xem như điều kiện tu tập quan trọng mà núi rừng là không gian thỏa mãn được lựa chọn.

2.2. Không gian tu tập sơn lâm của thiền sư thời Lý - Trần

Các thiền sư thời Lý - Trần lựa chọn không gian sơn lâm, tu tập khá gần truyền thống với Phật giáo nguyên thủy, trước khi các ngôi chùa nguy nga mọc lên ở kinh đô Thăng Long hay trong các làng mạc đông đúc. Có nhà nghiên cứu nhận xét Phật giáo đời Trần có nét của Phật giáo nguyên thủy. Trong văn học giai đoạn Lý - Trần, có ba nhóm tư liệu chính chứa đựng thông tin về loại thiên nhiên cảnh quan: các văn bia Lý - Trần, các sách *Khóa hư lục*, *Tam Tổ thực lục*, *Thiền uyển tập anh* và một số nguồn tư liệu thơ văn khác.

2.2.1. Không gian tu tập sơn lâm qua thể loại văn khắc thời Lý - Trần

Văn bia hay bài minh khắc trên chuông chùa cung cấp thông tin về không gian tu tập sơn lâm, mặc dù do đặc trưng thể loại nên văn bia hay minh thiên về quá trình xây dựng chùa, về công đức của người công quả hay về ý nghĩa của đạo Phật. *Văn bia chùa Linh Xứng, núi Ngưỡng Sơn*) có chép: “Từ khi có Phật giáo tới nay đã hơn hai ngàn năm mà sự thờ phụng ngày càng thêm mới. Hễ có *cảnh đẹp núi non* thì không nơi nào là không mở mang để xây dựng chùa chiền”. Các “đạo hữu” đặc biệt như các loài muông thú là một tín hiệu chung cho không gian tu tập sơn lâm. Tu tập sơn lâm cũng có thể mang lại cho nhà tu hành những pháp thuật kỳ bí, giúp dân ích nước. Những môtip này khá phổ biến trong *Thiền uyển tập anh*.

2.2.2. Chân dung thiền sư trong không gian tu tập sơn lâm qua các ghi chép về Tam Tổ Trúc Lâm

Khác với tài liệu văn bia nhân mạnh hơn đến không gian rừng núi tu tập, sách *Tam Tổ thực lục* không chỉ khắc họa không gian tu tập mà còn có những tự sự về chân dung các thiền sư nơi rừng núi. Trần Thái Tông đã đọc được sự tích Phật tổ đầy khích lệ hướng về không gian sơn lâm: “Thích Ca Văn Phật vào núi Tuyết Sơn, ngồi ngay ngắn trong sáu năm, chim bồ câu làm tổ trên đầu, cỏ mọc xuyên qua bắp vế mà thân tâm vẫn bình thản”.

Trước Tam tổ, Trần Thái Tông đã nói về vị lão tăng trên Yên Tử “ở nơi sơn dã đã lâu, xương gày mặt võ, ăn rau đắng, ném trái cây, uống nước suối, lòng như mây nổi”.

Trần Nhân Tông sau khi nhường ngôi, lên Yên Tử tu khổ hạnh, leo khắp các ngọn núi, tìm kiếm hang động, sống tại hang đá, giữ một đời sống tu trì nghiêm mật; chúng tăng theo lên Yên Tử rất đông, khi ngày mát trời đất u ám, chim vượn buồn bã. Những nét miêu tả này khá phổ biến làm thành mô thức tự sự của loại hình tiểu truyện thiền sư, thể hiện thể giới quan và nhân sinh quan tu hành.

2.2.3. Chân dung các thiền sư trong không gian tu tập sơn lâm qua *Thiền uyển tập anh*

Không gian tu tập sơn lâm được nhắc đến trong *Thiền uyển tập anh* phần nhiều chỉ là nơi tu tập của thiền sư với kiến trúc rất giản dị gọi là “am”, một kiểu kiến trúc đơn giản cốt che mưa nắng chứ không phải là tự, một công trình xây dựng quy mô, đòi hỏi nhiều tiền của như chùa do các hoàng đế, các vị quý tộc thời Lý - Trần hoặc do đại chúng công quả xây dựng. Các nét chân dung của thiền sư trong không gian sơn lâm là:

Tu khổ hạnh (hạnh đầu đà): ăn gạo lứt, lá cây, rễ cây, ăn hạt thông, uống nước suối, mặc áo vá, tay chân chai cộp, thân thể khô gầy, việc nhập định kéo dài nhiều ngày...

Các “đạo hữu” đặc biệt: Các thiền sư cảm hóa loài vật (đạo hữu) chim bay đến châu, dã thú vây quanh, sai khiến được thú dữ, rắn núi, thú dữ đến thuần phục. Có nhà sư khi xuống núi, chim muông trong rừng kêu không dứt, khi vượn lưu luyến. Chim muông là những đạo hữu đặc biệt, mối giao hảo thân tình với chúng cũng là một mô thức tự sự không thể thiếu trong các tiểu truyện về thiền sư tu tập trong không gian sơn lâm.

Trong không gian tu tập sơn lâm, các thiền sư đạt được những năng lực kỳ bí. Có một số tiểu truyện ghi rõ các sư trì tụng kinh *Đại bi tâm đà la ni* nên có pháp thuật. Năng lực kỳ bí có thể là

một lý do quan trọng khiến các thiền sư được triều đình trọng vọng. Việc tu tập không chỉ được nhận thức như là công cuộc giải thoát bản thân mà còn là sự nghiệp cứu nhân độ thế. Những khả năng chữa bệnh trừ tà, hô gió gọi mưa, giải hạn, đem lại mùa màng tươi tốt nhờ tu tập trên núi cao mà thành tựu.

Các thiền sư được triều đình trọng vọng: Đó là thiền sư Khuông Việt được Đinh Tiên Hoàng phong chức Tăng thống, Thiền sư Thiền Nham được vua mời đến kinh cầu mưa, vua phái làm danh tăng, ban cho áo ngự. Mỗi khi nhà nước cầu đảo, sư đều làm chủ.

Mối quan hệ mật thiết giữa các thiền sư và triều đình thời Lý - Trần cho chúng ta biết về vai trò quan trọng của Phật giáo đối với đời sống chính trị xã hội thời kỳ này. Phật giáo không chỉ là một tôn giáo mà còn thể hiện khát vọng đóng góp tích cực cho xã hội và triều đình cũng khai thác thế mạnh của Phật giáo phục vụ cho chính trị.

2.2.4. Thơ ca về thiền sư giữa không gian tu tập sơn lâm

Thơ ca về thiền sư tu tập trong không gian sơn lâm thể hiện sự hâm mộ, tán đồng việc tu tập trên núi, lánh thành đô, trút bỏ lục trần, rũ sạch công danh khăn áo, thoát khỏi lồng bẫy, như hình tượng thơ rất hay là *rừng xanh con nhỏ vượn ôm về*. Núi rừng mang lại niềm hạnh phúc chân chính của sự tu luyện thân tâm thuần phác để có thể vui vầy cũng suối đá, khi vượn.

Trong bài *Đặc thú lâm tuyền thành đạo ca*, Trần Nhân Tông đã nói đến ý nghĩa của không gian lâm tuyền (rừng suối) này đối với giới tu hành. Phật giáo thời đại này thể hiện được tinh thần vượt thoát ra ngoài cái tầm thường của trần thế. Đi tu không phải là chuyện của những kẻ gặp trắc trở hoặc buồn chán việc đời. Một vị hoàng đế ở ngôi cao sang tột bậc mà từ bỏ ngôi báu để đi tu, mà tu có nghĩa là tìm đến không gian thoát tục, đi tu hướng về lâm tuyền thì có nghĩa là đạo Phật cao siêu vượt lên trần tục.

Tiểu kết chương 2

Không gian tu tập sơn lâm cho phép nhận định rằng Phật giáo Lý - Trần có những điểm gần gũi với Phật giáo nguyên thủy.

Nhìn chung, có mối liên hệ giữa không gian thiêng của núi rừng và uy tín của vị thiên sư chọn không gian thiêng đó để tu tập, mối liên hệ không chỉ riêng của quan niệm Phật giáo mà của cả quan niệm Nho giáo, Đạo giáo, quan niệm văn hóa dân gian. Đồng thời lại thấy không gian rừng núi đó không quá xa Thăng Long, một đặc điểm chỉ báo cho chúng ta ngày nay biết về mối quan hệ mật thiết giữa Phật giáo và chính trị ở thời đại Lý - Trần. Hầu như các vua Lý - Trần ở các mức độ khác nhau đều có liên hệ mật thiết với những vị thiên sư uy tín đồng thời các nhà sư cũng có những hình thức hoạt động đáp ứng nhu cầu của triều đình, tiêu biểu nhất là kết hợp Thiền tông với Mật tông.

Sống trên núi, chọn lối sống khổ hạnh, ăn lá cây, vỏ cây, rễ cây, quả thông là môtip khá phổ biến trong các tự sự kể về cuộc sống của các thiên sư. Thiên sư lựa chọn cuộc sống tu trì khổ hạnh, tức “tu hạnh đầu đà”, niệmcứ *Đại bi tâm đà la ni*, có được những phép thuật kỳ bí, hàng long phục hổ, cầu mưa, chữa bệnh trừ tà, có những quyền năng siêu việt khác, kể cả thác sinh theo lối Thiền sư Từ Đạo Hạnh đầu thai thành vua Lý Thần Tông... Dường như có một mối quan hệ giữa việc chọn không gian núi rừng với đời sống sinh hoạt khổ hạnh của thiên sư với năng lực cảm hóa thế giới các loài vật và phép thuật thần kỳ mà các vị thiên sư đạt được.

Có sự ảnh hưởng qua lại giữa mô thức tự sự trong các văn bản tự sự Việt Nam thời Lý - Trần với kiểu sách truyền đăng lục Trung Quốc. Các loài chim thú mang hoa quả đến cúng dường, nhà sư tu hàng chục năm trên núi, trong hang đá (thạch thất) trong am cỏ đơn sơ, đạo hữu là chim thú, thảo mộc. Đó là những môtip tự sự tiêu biểu trong các văn bản tự sự kể về thiên sư Trung Quốc và Việt Nam thời cổ.

Chương 3

THIÊN NHIÊN TRONG VĂN HỌC PHẬT GIÁO LÝ - TRẦN VỚI VAI TRÒ ẪN DỤ

Chương này sẽ trình bày thiên nhiên như là hình ảnh mang ý nghĩa ẩ dụ, tức là các ý tượng thực hiện chức năng của các ẩ dụ. Để tránh nhầm lẫn, luận án dùng khái niệm hình ảnh thiên nhiên để phân biệt với hình tượng thiên nhiên.

3.1. Quan niệm bất lập văn tự và bất ly văn tự - cơ sở lý luận của việc sử dụng ẩ dụ

Phật giáo Thiên tông có chủ trương bất lập văn tự, tức không dùng ngôn ngữ khái niệm để trình bày tư tưởng. Nhưng trong thực tiễn hoằng dương Phật pháp, các thiên sư đứng trước nhu cầu giải thích giáo lý vẫn phải dùng văn tự. Nhu cầu đó dẫn đến một ứng xử rất đặc trưng và quan trọng là sử dụng ẩ dụ, mà rất nhiều ẩ dụ thông qua hình ảnh thiên nhiên.

3.2. Sử dụng phương thức ẩ dụ trong ngữ cảnh giao tiếp

Có 4 loại ngữ cảnh hay tình huống chủ yếu:

Hình thức vấn đáp giữa một vị tăng và một thiên sư. Ví dụ, *Tham đồ hiển quyết* ghi được 59 câu vấn đáp về đạo giữa tăng và sư Viên Chiếu.

Hình thức cử - niêm - tụng: Trần Thái Tông biên soạn 43 bài cử - niêm - tụng. Cử - nêu vấn đề từ trong kinh điển nào đó; niêm - tóm tắt ý nghĩa vấn đề; tụng - trình bày bằng bài thơ kệ gồm 4 câu.

Các bài thi - kệ mà các thiên sư chủ động đọc trước các môn đồ, thường là vào thời điểm trước khi viên tịch, loại thi kệ gọi là *Thị đệ tử*.

Một số ngữ cảnh khác như nội dung các bài bia, minh.

3.3. Một số tư tưởng Phật học qua ẩ dụ bằng hình ảnh thiên nhiên

Khái niệm trung tâm của Phật giáo - khái niệm tâm và các biến thể của khái niệm này - vốn khá siêu hình, trừu tượng đối với tư duy của con người đời xưa. Để giúp người học Phật dễ dàng hình

dung, nắm bắt được bản chất khái niệm, các thiền sư đã dùng các hình ảnh làm ẩn dụ, một phần lớn các hình ảnh lấy từ thế giới thiên nhiên quen thuộc. Để diễn giải các triết lý về tâm, các thiền sư có thể dùng những ẩn dụ khác nhau.

3.3.1. *Ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm* (*Kinh Kim Cương*): Hình ảnh ẩn dụ tiêu biểu như ngọc, hoa sen trong biển lửa.

3.3.2. *Vạn pháp duy tâm tạo, nhất thiết duy tâm tạo* (*Kinh Hoa Nghiêm*): Hình ảnh ẩn dụ như cỏ bông và gió, Tâm tựa gió, tính tựa cỏ bông. Cỏ bông tự nó không bay, chỉ khi có gió thổi thì mới bay. Ẩn dụ nước mưa trên bông hoa, tiếng gió qua bụi tre để diễn đạt tư tưởng vạn pháp duy tâm. Nếu tâm “động”, có thể nhìn giọt nước mưa trên bông hoa là nước mắt nữ thần, nghe tiếng gió qua rặng tre như là tiếng đàn của danh cầm Bá Nha...

3.3.3. *Tâm địa nhược không tuệ nhật tự chiếu* (Bách Trượng Hoài Hải): Ẩn dụ gió, mây mù và trời xanh.

3.3.4. *Nhất thiết chư Pháp giai tòng tâm sinh* (Nam Nhạc Hoài Nhượng): Nếu tâm không vọng động, không sinh tà kiến, câu chấp thì không có các pháp tướng bám trụ. Ẩn dụ bụi và nước trong tương tác với bóng trúc và ánh trăng.

3.3.5. *Minh tâm kiến tính, Kiến tính thành Phật*: Ẩn dụ “cây khô gặp xuân nở hoa”

3.3.6. *Tâm cảnh*: Thiền là cảnh giới tâm lý *đối cảnh vô tâm*. Ẩn dụ xuân hoa nở, thu lá rụng, lòng bình thản, không động tâm...

3.4. Một số tư tưởng khác của Phật giáo

3.4.1. *Sắc không*: Ẩn dụ trăng trong nước, gió trong đám cây tùng.

3.4.2. *Phật tính*: Hình ảnh ẩn dụ *mưa xuân không cao thấp/Cảnh hoa có ngắn dài*.

3.4.3. *Nhân duyên thời tiết*: Ẩn dụ *Đào nở trên cây đúng thời tiết/Cúc vàng dưới dậu nào phải xuân*; tháng ba hoa nở, canh năm gà gáy; xuân đến hoa nở, xuân đi hoa rụng.

3.4.4. An trú trong hiện tại: ản dụ về ngày tháng hiện tại, không biết xuân thu xưa. ản dụ rùa mù trạch què.

3.4.5. Tư duy nhất nguyên: Đập vỡ tư duy nhị nguyên đối đãi, không còn phân biệt phạm thánh, người và ta (bì và ngã), Bồ đề và phiền não. ản dụ Bắc đẩu hướng về phương Bắc, thủy triều hướng về Đông.

3.4.6. Giác ngộ ngay trong thế gian: ản dụ rất về tê giác và sừng tê giác.

3.4.7. Quan hệ ngôn - ý: ản dụ sấm vang khiến hạt nảy mầm.

3.4.8. Vô thường: ản dụ hoa có tươi héo, người có thịnh suy.

3.5. Một số ản dụ trong kinh Phật: Sự tích Long nữ dâng châu lập tức thành Phật quả - ản dụ quế trong trăng; Quan hệ giữa mục đích và phương tiện: ản dụ ao khô cá mắc cạn.

3.6. Một số đặc điểm của ản dụ thiên nhiên trong văn học Phật giáo Lý - Trần

3.6.1. ản dụ dùng để khai mở trực giác người học Phật

ản dụ thiên nhiên của văn học Phật giáo Lý - Trần nhằm khai mở tuệ giác của người học Phật. Hình ảnh thiên nhiên được vận dụng làm ản dụ khi trả lời các vấn đề của Phật giáo. Hình thức cử, niêm, tụng hoặc tụng cổ, vấn đáp, được dùng để diễn giải những vấn đề uyên áo của Phật pháp.

3.6.2. Đa dạng nguồn của các hình ảnh ản dụ

Nguồn các hình ảnh ản dụ rất rộng, từ kinh Phật, các loại sách truyền đăng, kinh điển Nho, Đạo và từ thơ ca nói chung. Sự phong phú của các nguồn hình ảnh ản dụ cho thấy học vấn uyên bác của các thiền sư, đồng thời cũng đòi hỏi người nghiên cứu phải có sự so sánh đối chiếu các nguồn tư liệu khác nhau để hiểu đúng về nghĩa ản dụ.

3.6.3. Tính mới lạ và nghịch lý của các hình ảnh ản dụ

Các ản dụ mang tính biểu tượng hoặc mang tính nghịch lý với tư duy thông thường, như là cách đập vỡ tư duy nhị nguyên vốn

là chướng ngại đối với giác ngộ chân lý. Các khái niệm khó hiểu của Phật pháp như Kiến tính thành Phật được lý giải bằng hình ảnh cây khô nở hoa khi gió xuân về, gió đưa hương xa ngàn dặm.

Tiểu kết chương 3

Các thiền sư thời Lý - Trần trong hoạt động tu chứng, thuyết pháp, giác ngộ chúng đệ tử đã tuân thủ nguyên tắc “bất lập văn tự” đồng thời cũng chấp nhận nguyên lý “bất ly văn tự”. Bất lập văn tự chỉ là không dùng ngôn ngữ khái niệm để thuyết lý trừu tượng như khoa học triết học hiện đại. Nếu trong giao tiếp thường ngày, để tránh thuyết lý bằng khái niệm, người xưa có thể dùng động tác, đánh, hét... thì trong văn bản, họ dùng hình ảnh ẩn dụ. Thứ ngôn ngữ dùng làm phương tiện thuyết pháp là ngôn ngữ tượng trưng, ngôn ngữ nghệ thuật, ngôn ngữ đi thẳng vào trực giác người nghe (trực chỉ nhân tâm). Đóng góp một phần quan trọng xây dựng các ẩn dụ nghệ thuật đó chính là các yếu tố, sự việc rút ra từ thế giới thiên nhiên phong phú, sinh động và phần lớn quen thuộc đối với người nghe; một phần rút từ kinh điển, từ sách truyền đăng, từ các điển cố điển tích văn học Trung Quốc.

Hầu hết các biểu tượng thiên nhiên đều được lấy từ thế giới động vật, thực vật, từ các hiện tượng tự nhiên, vũ trụ quen thuộc với con người như mây, trăng, gió, nước, rùa, tê giác, hoa sen, trúc, bướm, hoa... nên có khả năng gợi liên tưởng, khai mở sự linh hội nơi người nghe, người đọc. Các biểu tượng thiên nhiên được sử dụng để trình bày tư tưởng uyên áo nhưng trừu tượng về Phật học, về tâm, về chân như, về sắc không. Các tư tưởng này khác với các tư tưởng của nhà nho, với các tư tưởng văn hóa chính trị như đức, lễ, nhân, nghĩa, Nghiêu Thuấn, thánh nhân, quân tử.

Các ẩn dụ nghệ thuật của văn học Phật giáo Lý - Trần đã đi vào đời sống nghệ thuật - tôn giáo một cách rộng rãi. Không chỉ là những ẩn dụ khô khan, thiên nhiên ý tượng của thơ văn Phật giáo Lý

- Trần vẫn còn có khả năng đem lại hứng thú sâu sắc cho người bước chân đến chốn thiền môn trong cả thời đại ngày nay.

Thiền tông Việt Nam hiện đại cần phát huy hình thức thuyết giáo bằng công án có chất văn chương rất truyền thống để đạt được hiệu quả cao trong thuyết giáo và đem Thiền lại gần với văn chương - nghệ thuật.

Chương 4

HÌNH TƯỢNG THIÊN NHIÊN TRONG VĂN HỌC PHẬT GIÁO LÝ - TRẦN NHÌN TỪ CẢM XÚC THẨM MỸ

Chương này sẽ nghiên cứu thiên nhiên đi vào thơ thiền như một bức tranh hiện thực (cảnh) được khắc họa cả chiều kích không gian và thời gian, màu sắc, âm thanh và mang một ý nghĩa thẩm mỹ nhất định.

4.1. Một số vấn đề lý luận chung

4.1.1. Mối quan hệ giữa Thiền và Thơ

Thơ có sứ mệnh biểu đạt cảm xúc riêng tư, thiền khẳng định tâm tính chủ quan. Về phương thức biểu đạt, thơ chú trọng ý tại ngôn ngoại, ý ở ngoài lời, dùng hình tượng nghệ thuật làm ẩn dụ, biểu tượng, hàm súc, ngôn tận mà ý không dùng. Thiền chủ trương vô ngôn đốn ngộ, chủ trương dùng các phương tiện phi khái niệm. Đó là điểm gặp nhau giữa thiền và thi.

4.1.2. Thiên nhiên trong chỉnh thể thế giới nghệ thuật tác phẩm

Trong thế giới nghệ thuật của tác phẩm có sự kết hợp giữa nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan. Hình tượng thiên nhiên trong thơ cũng phục tùng nguyên lý này. Diễn đạt theo lối nói truyền thống thì hình tượng thiên nhiên là phạm trù sản sinh do tình cảm chủ quan của thi nhân kết hợp với cảnh vật khách quan. Tình (chủ quan) là sức mạnh chủ đạo tạo thành thi cảnh, không có tình không thể sản sinh cảnh mà cũng không có thơ trữ tình.

Thiền sư làm thơ cũng như các thi nhân thế tục khác không miêu tả thiên nhiên theo lối sao chép, phản ánh hiện thực khách quan. Các bức tranh thiên nhiên mà các thiền sư vẽ lên trong thơ thực chất là sự ngoại hóa tâm cảnh của thi nhân.

4.1.3. Khái niệm mỹ học và mỹ học văn học Phật giáo qua thơ Thiền

Nói đến mỹ học là nói đến phạm trù cái đẹp. Cái đẹp là gì? Theo *Từ điển văn học (bộ mới)* thì cái đẹp là “phạm trù mỹ học xác định giá trị thẩm mỹ của các hiện tượng theo quan điểm về sự hoàn thiện, xem chúng như là các hiện tượng có giá trị cao nhất”. Mỗi cá nhân, mỗi khuynh hướng, trào lưu tư tưởng triết học, tôn giáo lại có một quan điểm riêng về cái hoàn thiện, cái giá trị.

Mỹ học của văn học Phật giáo Lý - Trần tất nhiên phải là mỹ học của các thiền sư thời đại này, nó nhìn nhận cái đẹp phù hợp với quan niệm của thiền sư về sự hoàn thiện, về giá trị cao nhất. Truyền thuyết niêm hoa vi tiếu (Phật tổ niêm hoa, Ca Diếp vi tiếu) nói lên bản chất ninh tĩnh của tâm mà Phật giáo theo đuổi, cầu tầm. Truyền thuyết này cũng ngụ ý học thuyết Phật giáo ra đời trong sự im lặng, vô thanh giữa thế giới ồn ào, náo nhiệt. Vô thanh, tĩnh mịch, ninh tĩnh là điều kiện cho tâm lĩnh thần hội, có thể dĩ tâm truyền tâm (Ca Diếp tâm lĩnh thần hội). Thiền định còn được giải thích là tịch niệm, đưa mọi niệm lự (mọi suy tư, ý nghĩ) về tịch tĩnh. “Tịch寂, còn gọi là 滅diệt, một tên gọi khác của 涅槃Niết Bàn. Tịch diệt tức Niết Bàn (Nirvana), thể của nó tịch tĩnh, ly nhất thiết chi tướng, nên gọi là tịch diệt. Bạc Bồ Tát chứng kiến tịch diệt pháp, tất cả các pháp đều tịch diệt. Theo *Phật học đại từ điển* của Đinh Phúc Bảo, có nhị chủng tịch tĩnh (Hai loại Tịch Tĩnh, tức nói về tịch tĩnh thân và tịch tĩnh tâm): Thứ nhất, thân tịch tĩnh với một số biểu hiện như diệt dục, nhàn cư tĩnh xứ, viễn ly cảnh náo động; thứ hai là tâm tịch tĩnh, đối với tham sân si đều tránh xa, tu tập thiền định để tâm không tán loạn, đối với

những điều ác không làm, thế nên nói tâm tịch tĩnh. Tịch gắn với “không”. “Không” là yếu nghĩa của Phật giáo: Vạn cảnh giai không, tứ đại giai không, ngũ uẩn giai không, nhất thiết giai không. Hễ chủ thể có cái nhìn “không quán” đối với khách thể sẽ siêu thoát duyên sinh tử. Cái gọi là duyên khởi tính không, cũng tức là Phật tính, là Bát nhã, Pháp tính, Chân như, Niết bàn, Viên tịch... yếu nghĩa đều ở “không quán”. *Đại Bát Niết Bàn Kinh, Sư tử hống Bồ Tát phẩm*: “Phật tính giả, tức đệ nhất nghĩa “không”, đệ nhất nghĩa không danh vi Trung đạo, Trung đạo giả tức danh vi Phật, Phật giả danh vi Niết Bàn”. Đây là cơ sở xác định nội dung phạm trù mỹ học làm chỗ dựa cho phân tích của chương 4.

Luận án chọn các khái niệm *Ngộ, Không, Tịch, Tĩnh* như khái niệm chìa khóa để phân tích ý nghĩa thẩm mỹ của hình tượng thiên nhiên trong thơ thiền Lý - Trần. Lựa chọn này không chỉ căn cứ vào cơ sở tư tưởng triết học của Phật giáo Thiền tông mà còn dựa vào thực tiễn sáng tác thơ thiền về thiên nhiên theo đó, các nhà thơ thiền cũng dựa vào *Ngộ, Không, Tịch, Tĩnh* để cấu trúc thi cảnh.

4.2. Một số phạm trù mỹ học Phật giáo qua một số hình tượng thiên nhiên trong thơ thiền Lý - Trần

4.2.1. Phạm trù Ngộ

Ngộ đối với mê, đồng nghĩa với giác ngộ. Trong ngôn ngữ Thiền tông có các khái niệm khai ngộ, chứng ngộ. Ngộ là minh tâm kiến tính, ngộ thực tướng chân như. Bất thành linh giác ngộ chân lý được gọi là đốn ngộ, giác ngộ từ từ qua từng bước gọi là tiệm ngộ. Thơ thiền nhiên của thiền sư Lý - Trần cho chúng ta những mẫu mực về cả hai thứ ngộ đó. Dẫn chứng tiêu biểu là bài *Hoa điệp* của Thiền sư Giác Hải, hai bài thơ *Xuân hiểu* và *Xuân vãn* của Trần Nhân Tông.

4.2.2. Phạm trù Tịch

Tịch là tĩnh lặng, là tịch diệt, là cảnh giới tâm linh siêu việt thế gian. Buổi chiều xuống được Bà Huyện Thanh Quan gọi là “bóng

tịch dương”. Dễ hiểu hình tượng hoàng hôn tạo hứng thú thẩm mỹ cho các tác giả thiền sư. Luận án chọn bài thơ nổi tiếng *Thiên Trường vân vọng* (Trần Nhân Tông). Nhưng buổi chiều tà (hoàng hôn, vân...) lại có một ý nghĩa thẩm mỹ và cảm xúc rất riêng so với thơ ca thể tục - ý nghĩa bắt nguồn từ quan niệm về thiền và thơ, dĩ thiên dụ thi. Tịch là “phẩm chất” của hoàng hôn đã khơi gợi hứng thú thẩm mỹ của tác giả một bài thơ thiền.

4.2.3. Phạm trù Không

Không với tính chất là phạm trù thẩm mỹ gắn liền với không gian không khoát, thường dễ được gợi hứng khi đứng trên núi cao có tầm quan sát cao, xa, rộng. Phạm trù Không cũng có thể được gợi ý khi quan sát cảnh sống đậm bạc, đơn sơ. Có nhiều hình tượng nghệ thuật như núi và mây không xa lạ đối với thơ trung đại của các nhà nho. Sơn vân là kiểu không gian yêu thích của các thiền gia. Đôi khi ta còn gặp khái niệm lâm tuyền (rừng suối). Không gian tu tập lâm tuyền, sơn lâm có liên hệ với lý tưởng thẩm mỹ, với mỹ học thiền, với các phạm trù không, tịch, tĩnh, nhất là không. Trong thơ Thiền Lý - Trần, hình tượng núi mây xuất hiện khá phổ biến. Núi cao xa so với trần thế, đứng trên núi cao thu nhận cảm xúc về bầu không bao la, mệnh mông, cái trống rỗng vĩ đại. Đỉnh núi cao thoát trần, càng cao xa thoát tục khi có áng mây bầu bạn, núi và mây biểu hiện sự tự do, nhàn thích, không khoát, thanh tĩnh đồng thời mây cũng diễn tả cao xa thoát tục của không gian tu tập trên.

4.2.4. Phạm trù Tĩnh

Tĩnh là tĩnh tại, ninh tĩnh, an tĩnh. Ngoại quan hóa tâm cảnh tĩnh tịch là một sắc thái thẩm mỹ của hình tượng thiên nhiên trong văn học Lý - Trần. An tĩnh tâm hồn tìm thấy trong các không gian thanh sạch, xa cách trần thế, giữa am thanh cảnh vắng và giấc ngủ say giữa trưa... Bài thơ *Ngộ thụ* của Huyền Quang, *Ký Thanh Phong am tăng Đức Sơn* (Gửi nhà sư Đức Sơn ở am Thanh Phong) của Trần Cảnh (Trần Thái Tông) khắc họa hình tượng một vị “sơn

tăng” mà tâm tương hợp với “cảnh” gồm ánh trăng và tiếng gió thổi lay động rặng trúc, gió tức là phối hợp động (tiếng gió) và tĩnh (trăng chiếu sáng sân am), lấy động tả tĩnh, phong cảnh thâm lương, vắng lặng.

Tiểu kết chương 4

Chúng tôi chọn nghiên cứu và phân tích một số phạm trù mỹ học qua các hình tượng thiên nhiên tiêu biểu xuất hiện trong sáng tác của các thi tăng thời đại Lý – Trần. Đây là một nỗ lực tách bạch các phạm trù mỹ học để tiện phân tích còn trên thực tế các bài thơ thiên nhiên đôi khi các phạm trù hòa quyện vào nhau rất chặt chẽ. Có thể đưa ra một số nhận xét kết luận sau:

Thiên nhiên được phân tích trong chương này xuất hiện trong thơ trữ tình phong cảnh, mang phẩm chất của kiểu thi pháp có thể gọi là ý cảnh. Khác với thiên nhiên mang chức năng ẩn dụ cho các tư tưởng Phật giáo Thiền tông xuất hiện trong các thể loại văn học chức năng Phật giáo như kệ, cử - niệm - tụng, vấn đáp tăng - sư, thiên nhiên trong thơ trữ tình phong cảnh hiện ra với những bức tranh sinh động, có hình khối, màu sắc, có thời gian và không gian cụ thể, chuyển tải tài năng sáng tạo nghệ thuật của các tác giả.

Thiên nhiên được miêu tả, thể hiện, khắc họa thành hình tượng đều là thiên nhiên hiện thực, hoặc là môi trường sống, tu tập của tác giả, hoặc là địa điểm tác giả thăm viếng vì lý do này khác, thường là thăm một nhà sư nào đó, hoặc là không gian làng quê, phần nhiều là bức tranh thiên nhiên núi, rừng, với mây, gió, bức tranh những ngôi cổ tự, cảnh chiều tà khi không gian và thời gian đang chuyển động sang tĩnh tịch, không.

Khác với hình tượng thiên nhiên trong thơ ca nhà nho thường dùng thiên nhiên như phương tiện tỷ (dụ) đức hay phương tiện diễn đạt tâm của người hành đạo, cứu đời, con người tự nhiệm, các hình tượng thiên nhiên tiêu biểu được các thiền sư diễn tả đều là bức tranh tâm cảnh, ngoại quan hóa tâm thái thiền sư, có giá trị thẩm mỹ sâu

sắc, nêu bật đặc điểm mỹ học ngộ, không, tịch, tĩnh của Thiền tông. Đặc điểm này đã được chúng tôi quán chiếu trong khi phân tích một số kiểu hình tượng tiêu biểu.

Một số trường hợp (như bài thơ *Thiên Trường vân vọng*) đòi hỏi cần xác định thêm thời điểm lịch sử xã hội ra đời bài thơ và tiểu sử tác giả. Có học giả đọc sáng tác này theo quan điểm thể tục, coi đây là sáng tác thể sự, lại có nhà nghiên cứu lại nhìn nhận từ mỹ học thiền với các phạm trù không, tịch, tĩnh. Song giải quyết vấn đề này chưa phải là nhiệm vụ của luận án.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu toàn diện thiên nhiên góp phần quan trọng vào việc tìm hiểu văn học Phật giáo nói chung, văn học Phật giáo Lý - Trần nói riêng. Từ góc nhìn thiên nhiên, chúng ta có thể thấy được quan điểm thẩm mỹ của tác giả văn học Phật giáo, thấy được quan niệm và triết lý ngôn ngữ rất riêng của các thiền sư, hiểu được không gian văn hóa tu tập của thiền sư thời kỳ Lý - Trần. Có thể nói, thiên nhiên trong văn học Phật giáo Lý - Trần đã cho chúng ta thấy những mạch ngầm của tư tưởng và giáo lý Phật giáo cũng như những giá trị về văn chương, nghệ thuật. Khám phá những lớp nghĩa được mã hóa qua hình ảnh thiên nhiên, chúng ta như được thâm nhập vào thế giới của tăng nhân và các trí thức có nhân duyên gắn bó với Phật học.

Luận án đã nghiên cứu hầu hết các thể loại văn học Phật giáo như văn xuôi tự sự, văn bia, văn ngữ lục, các bài thi - kệ, các thể loại vấn đáp giữa tăng và sư, hình thức giảng giải các vấn đề giáo lý qua cử - niệm - tụng, và đặc biệt là thơ Thiền. Mỗi nhóm thể loại có nội dung chuyên tải riêng, tạo thành “bức khảm” đặc sắc của thiên nhiên trong văn học Phật giáo Lý - Trần.

Thiên nhiên rừng núi như môi trường tu tập của các thiền sư, cho thông tin về văn hóa sơn lâm, quan niệm tu tập và những đặc điểm của Phật giáo Lý - Trần có phần gần gũi với Phật giáo nguyên

thủy, ở thời mà Phật tổ đã chọn núi rừng để tu hành và ngộ đạo. Phần lớn các tự viện, am tự ở giai đoạn Lý - Trần này được đặt trên núi, trong rừng. Thơ ca về thiền sư tu tập trong không gian sơn lâm thể hiện sự hâm mộ, tán đồng việc tu tập trên núi, lánh thành đô, trút bỏ lục trần. Không gian núi non đã trở thành điểm nhấn không gian trong văn học Phật giáo. Có thể vì vật liệu xây dựng chùa như đá, gỗ dễ khai thác; có thể vì quan niệm phong thủy mà một vị hoàng đế nào đó lựa chọn địa điểm dựng chùa trên núi; có thể vì quan niệm tu tập, khi mà không gian sơn lâm có thể có tương tác đối với tham thiền ngộ đạo, biểu hiện cho cái nhìn bình đẳng về chúng sinh của thiền sư. Thiên nhiên sơn lâm có tác động sâu sắc đến những sáng tác thơ ca viết về chùa chiền nơi đồng bằng hay đô thị (loại tác phẩm này có số lượng không lớn), bằng chứng là xuất hiện ở nhóm sáng tác đó những từ ngữ như “lâm tuyền”. Có bài thơ dùng khái niệm đại ẩn và tiểu ẩn, khi đó, tác giả bắt đầu mang quan niệm ẩn dật của nhà nho gán cho thiền sư. Hơn nữa, loại sáng tác này không có nhân vật chính của ngôi chùa là nhà sư, chỉ tả cảnh chùa và luận về Phật giáo nói chung.

Luận án dựa vào triết học ngôn ngữ của Phật giáo Thiền tông với hai quan niệm “bất lập văn tự” và “bất ly văn tự” để phân tích các câu hỏi đáp – vấn đáp cơ phong, các bài thi kệ, hình thức niêm - tụng - kệ đặc sắc. Thiền sư không dùng thứ ngôn từ trừu tượng để diễn đạt một tư tưởng, một giáo lý vốn rất trừu tượng mà chỉ có thể tâm truyền, khơi gợi trực giác. Thiền sư không thuyết giảng bằng khái niệm suy lý mà bằng các công án, trong đó có các ẩn dụ xây dựng từ thế giới thiên nhiên. Luận án đã bước đầu khái quát những tư tưởng trừu tượng của Phật giáo Thiền tông được biểu hiện bằng các hình ảnh ẩn dụ như cỏ bông và gió, tâm tựa gió, tính tựa cỏ bông, nước mưa trên bông hoa, tiếng gió qua bụi tre... (diễn đạt tư tưởng vạn pháp duy tâm). Hình ảnh mùa xuân hoa nở, thu lá rụng ẩn dụ lòng bình thản, tâm không vọng động. Những ẩn dụ qua hình ảnh thiên

nhiên sinh động gợi mở trực giác, gợi liên tưởng và tiếp nhận những vấn đề Phật pháp.

Nghiên cứu thiên nhiên trong văn học Phật giáo Lý - Trần, luận án tìm hiểu hình tượng thiên nhiên được các thiền sư khắc họa như là sự ngoại quan hóa tâm cảnh. Hình tượng thiên nhiên này có thể gọi bằng khái niệm “ý cảnh” - những cảnh tượng có ý nghĩa. Mỹ học của văn học Phật giáo Lý - Trần là mỹ học của các thiền sư, nó nhìn nhận cái đẹp phù hợp với quan niệm của thiền sư về sự hoàn thiện. Luận án xuất phát từ triết học Phật giáo Thiền tông về tâm, về Niết Bàn, về Thiền định, về Không, Tịch, Tĩnh để phân tích sự ngoại quan hóa đó. Các phạm trù được lựa chọn làm cơ sở để nhận diện đặc trưng thẩm mỹ của hình tượng thiên nhiên trong thơ thiền là Ngộ, Không, Tịch, Tĩnh. Hình tượng thiên nhiên của thơ thiền Lý - Trần cho chúng ta những mẫu mực về khai ngộ, chứng ngộ, về sự tĩnh lặng, tịch diệt, về sự thanh tĩnh thoát tục của không gian tu tập, về sự an tĩnh vắng lặng. Những kiểu hình tượng thiên nhiên tiêu biểu nhất góp phần ngoại quan hóa có hiệu quả tâm cảnh không, tịch, tĩnh của các thiền sư Lý - Trần như chùa cổ, am tú trên các danh sơn, không gian – thời gian chiều tà, mùa xuân. Về phương pháp tiếp cận, luận án cũng chỉ ra sự khác nhau trong cách đọc thể tục và cách đọc của mỹ học Thiền đối với các hình tượng thiên nhiên này. Bài học là cần xuất phát từ triết học Phật giáo, triết học Thiền tông.

Có thể thấy sự vận động của hình tượng thiên nhiên trong văn học Phật giáo Lý - Trần. Trong giai đoạn trước Trần, thơ trữ tình thiên nhiên phong cảnh hầu như chưa phát triển. Thời Lý, thiên nhiên xuất hiện chủ yếu trong chức năng ẩn dụ. Thơ trữ tình thiên nhiên phát triển và có nhiều thành tựu trong giai đoạn từ đời Trần trở đi và thơ thiên nhiên mang cảm hứng thẩm mỹ Thiền cũng không ngoại lệ. Cần có những nghiên cứu chuyên sâu về sự thay đổi này. Bước đầu chúng tôi cho rằng, rất có thể do tương tác với thơ trữ tình thiên nhiên của văn học nhà nho đã kích hoạt thơ trữ tình thiên nhiên của

các thiền sư và những người có nhân duyên với Phật giáo. Không phải ngẫu nhiên mà phần lớn các bài thơ trữ tình thiên nhiên hay nhất đời Trần do các vua Trần, hoàng tộc nhà Trần sáng tác. Hiển nhiên các sáng tác này thấm đậm chất mỹ học Thiền tông, song xét về các yếu tố thi pháp, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, chủ thể trữ tình thì có sự giao lưu, ảnh hưởng.

Những hình dung về cuộc đời, về Phật pháp qua thiên nhiên trong văn học Phật giáo Lý - Trần có thể coi như một gợi mở việc tiếp tục nghiên cứu bởi những giá trị tư tưởng và mỹ học vẫn hiện diện trong cuộc sống hôm nay. Có thể nói, thiên nhiên trong văn học Phật giáo Lý - Trần đã mang đến cho chúng ta thêm góc nhìn về tâm hồn con người trước thời gian và những biến thiên của lịch sử. Thông qua thiên nhiên, mỗi tác giả lại có những cách thể hiện của riêng mình để mang đến những tác phẩm dung dị mà sâu sắc cho văn chương.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Phạm Thị Thu Hương (2018), “Mùa Xuân trong thi ca phương Đông”, *Tạp chí Thế giới Di sản* (3/2018), tr. 61-69.
2. Phạm Thị Thu Hương (2018), “Mùa xuân dưới góc nhìn thơ Thiền”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật* (405), tr.87-90.
3. Phạm Thị Thu Hương (2019), “Hình tượng ánh trăng và mặt nước trong thơ thiền Lý – Trần”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: Thiền sư Pháp Loa sự nghiệp tu hành, thiền học và dấu ấn lịch sử*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.297-309.
4. Phạm Thị Thu Hương (2021), “Thiên nhiên trong “Khóa Hư Lục” của Trần Thái Tông”, *Trần Nhân Tông và Phật giáo Trúc Lâm: Đặc sắc tư tưởng, văn hóa*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội, tr.745-757.
5. Phạm Thị Thu Hương (2021), “Relationship between words and meaning in work “Revelation of the decisive secret for students” of Zen master Vien Chieu”, *Bulletin of Science and Education* (120), pp. 32-42.
6. Phạm Thị Thu Hương (2022), “Vietnamese researchers with the concept of “Buddhist literature of the Ly - Tran dynasties””, *Universum: Social Sciences* (80), pp. 21-26.